

PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ TRỊ SẢN XUẤT, GIÁ TRỊ TĂNG THÊM VÀ GIÁ SO SÁNH NĂM 2005 THEO HỆ THỐNG CHỈ SỐ GIÁ

(Tiếp theo)

Nguyễn Văn Minh*

IV. Đối với giá và hệ thống chỉ số giá

1. Tổng cục Thống kê tính và công bố giá bình quân đối với sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản theo vùng để tính chỉ tiêu giá trị sản xuất theo giá thực tế của ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản; các Cục Thống kê thuộc vùng nào sử dụng giá bình quân của vùng đó để tính giá trị sản xuất của tỉnh, thành phố.

2. Dùng phương pháp chỉ số giá (phương pháp giảm phát) để tính giá trị sản xuất theo giá so sánh, tức là giá trị sản xuất theo giá so sánh được tính bằng cách chia giá trị sản xuất theo giá thực tế của năm cần tính (năm

báo cáo) cho chỉ số giá bán của người sản xuất (PPI) hoặc chỉ số giá tiêu dùng (CPI) phù hợp. Tổng cục Thống kê tính và công bố chỉ số giá bán của người sản xuất (PPI), chỉ số giá tiêu dùng (CPI) so với năm gốc 2005 theo từng vùng; các Cục Thống kê thuộc vùng nào sử dụng chỉ số giá của vùng đó để tính.

3. Để tính chuyển chỉ tiêu giá trị sản xuất, giá trị tăng thêm, tổng sản phẩm trong nước (GDP) thực hiện trên địa bàn tỉnh, thành phố của các năm trước năm 2005 theo giá năm gốc 1994 về giá năm gốc 2005; các Cục Thống kê áp dụng công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị sản xuất, giá} \\ \text{trị tăng thêm hoặc} \\ \text{GDP theo ngành,} \\ \text{loại hình kinh tế} \\ \text{theo giá so sánh} \\ \text{năm 2005} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị sản xuất, giá} \\ \text{trị tăng thêm hoặc} \\ \text{GDP theo ngành,} \\ \text{loại hình kinh tế} \\ \text{theo giá so sánh} \\ \text{năm 2005} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Hệ số chuyển đổi năm} \\ \text{gốc 1994 sang năm gốc} \\ \text{2005 của giá trị sản} \\ \text{xuất, giá trị tăng thêm} \\ \text{hoặc GDP theo ngành,} \\ \text{loại hình kinh tế} \end{array}$$

Trong đó:

Hệ số chuyển đổi năm gốc 1994 sang năm gốc 2005 của giá trị sản xuất, giá trị tăng thêm hoặc GDP theo ngành, loại hình kinh tế

$$= \frac{\text{Giá trị sản xuất, giá trị tăng thêm hoặc GDP năm 2006 theo giá năm gốc 2005 theo từng ngành, từng loại hình kinh tế}}{\text{Giá trị sản xuất, giá trị tăng thêm hoặc GDP năm 2006 theo giá năm gốc 1994 theo từng ngành, từng loại hình kinh tế}}$$

* Vụ Thống kê Tài khoản Quốc gia

Hệ số chuyển đổi năm gốc 1994 sang năm gốc 2005 của giá trị sản xuất, giá trị tăng thêm hoặc GDP theo ngành, loại hình kinh tế

=

Giá trị sản xuất, giá trị tăng thêm hoặc GDP năm 2006 theo giá năm gốc 2005 theo từng ngành, từng loại hình kinh tế

Giá trị sản xuất, giá trị tăng thêm hoặc GDP năm 2005 theo giá năm gốc 1994 theo từng ngành, từng loại hình kinh tế

Các chỉ tiêu giá trị sản xuất, giá trị tăng thêm, GDP của năm 2005, 2006 theo giá thực tế và theo giá so sánh năm 1994 và năm 2005 cần được tính đầy đủ có chất lượng cao để làm cơ sở tính chuyển đổi các chỉ tiêu này theo giá năm 1994 của các năm trước năm 2005 về giá so sánh năm 2005.

V. Tính giá trị sản xuất theo giá so sánh

- Giá trị sản xuất năm 2006 theo giá thực tế theo VSIC 2007, nếu hệ thống chỉ số giá nêu ở phần “Các qui định chung” đã tính được theo VSIC 2007 thì giá trị sản xuất năm 2006 tính theo giá 2005 cũng tính theo VSIC 2007.

- Do giá trị sản xuất năm 2005 tính theo VSIC 1993 nên giá trị sản xuất năm báo cáo theo giá thực tế phải đưa từ VSIC 2007 về VSIC 1993, cụ thể tính chuyển giá trị sản xuất năm 2006 theo giá thực tế từ VSIC 2007 về VSIC 1993 sau đó tính giá trị sản xuất năm 2006 theo giá năm 2005 theo VSIC 1993 để so sánh giữa các năm.

- Để tính giá trị sản xuất theo giá so sánh năm 2005, dựa vào hệ thống chỉ số giá sản xuất, chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá hàng nhập khẩu... theo vùng của thống kê thương mại - dịch vụ - giá cả.

Giá trị sản xuất năm báo cáo theo giá so sánh

=

Giá trị sản xuất năm báo cáo theo giá thực tế

Chỉ số giá bán của người sản xuất (PPI) hoặc chỉ số giá tiêu dùng (CPI) hoặc các chỉ số giá tương ứng năm báo cáo so với năm gốc 2005

1. Ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản

Công thức tính giá trị sản xuất theo giá so sánh như sau:

Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản (theo giá so sánh 2005)

=

Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản theo giá thực tế

Chỉ số giá bán của người sản xuất nông, lâm, thủy sản năm báo cáo so với năm gốc 2005

Phải tính cho từng nhóm sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản với chỉ số giá sản xuất tương ứng.

Các tỉnh sử dụng chỉ số giá bán sản phẩm của Vùng do Tổng cục Thống kê cung cấp để tính.

2. Nhóm ngành công nghiệp

Nhóm ngành công nghiệp bao gồm: khai khoáng; công nghiệp chế biến, chế tạo; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng,

hơi nước và điều hòa không khí; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải.

$$\text{Giá trị sản xuất công nghiệp (theo giá so sánh 2005)} = \frac{\text{Giá trị sản xuất công nghiệp theo giá thực tế}}{\text{Chỉ số giá bán của người sản xuất công nghiệp năm báo cáo so với năm gốc 2005}}$$

Đối với doanh nghiệp: Tính theo ngành cấp 4

Đối với cơ sở cá thể: Tính theo ngành cấp 2

Giá trị sản xuất theo giá thực tế do bộ phận thống kê công nghiệp chịu trách nhiệm và trực tiếp tính toán theo đúng nội dung và phương pháp quy định.

Chỉ số giá bán sản phẩm của người sản xuất do Tổng cục tính và gửi về cho từng Cục Thống kê. Hiện tại chỉ số giá bán

sản phẩm của người sản xuất được tính cho từng quý và tính chung cho cả nước, từng vùng; Cục thống kê tỉnh, thành phố thuộc vùng nào thì sử dụng chỉ số giá của vùng đó. Trường hợp tỉnh, thành phố có ngành công nghiệp cá biệt, nhưng chỉ số giá ngành cá biệt đó lại chưa có thì sử dụng chỉ số giá chung cả nước của ngành đó.

3. Ngành xây dựng

$$\text{Giá trị sản xuất năm báo cáo theo giá so sánh năm 2005} = \frac{\text{Giá trị sản xuất năm báo cáo theo giá thực tế}}{\text{Chỉ số giá bán vật liệu xây dựng, sắt thép xây dựng, và gỗ cho xây dựng năm báo cáo so với năm gốc 2005}}$$

4. Bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô xe máy và xe có động cơ khác

4.1 Thương nghiệp bán buôn

Bước 1: Giảm phát doanh số bán và trị giá vốn hàng bán ra

$$\text{Doanh số bán buôn năm báo cáo theo giá so sánh năm 2005} = \frac{\text{Doanh số bán buôn năm báo cáo theo giá thực tế}}{\text{Chỉ số giá bán sản phẩm của người sản xuất của năm báo cáo so với năm gốc năm 2005}}$$

$$\text{Doanh số bán ra năm báo cáo theo giá so sánh năm 2005} = \frac{\text{Trị giá vốn hàng bán ra năm báo cáo theo giá thực tế}}{\text{Chỉ số giá bán sản phẩm của người sản xuất của năm báo cáo so với năm gốc năm 2005}}$$

Áp dụng các công thức này theo các nhóm hàng hoá.

Bước 2:

$$\begin{aligned} &\text{Giá trị sản xuất của} \\ &\text{thương nghiệp bán} \\ &\text{buôn năm báo cáo} \\ &\text{theo giá so sánh} \\ &\text{năm 2005} \end{aligned} = \begin{aligned} &\text{Doanh số bán buôn} \\ &\text{năm báo cáo theo} \\ &\text{giá so sánh năm} \\ &\text{2005} \end{aligned} - \begin{aligned} &\text{Trị giá vốn hàng bán} \\ &\text{ra năm báo cáo theo} \\ &\text{giá so sánh 2005} \end{aligned}$$

4.2 Thương nghiệp bán lẻ

a. Đối với phần giá trị sản xuất mua từ thương nghiệp bán buôn

Bước 1:

$$\begin{aligned} &\text{Tổng mức bán lẻ năm báo} \\ &\text{cáo theo giá so sánh năm} \\ &\text{2005} \end{aligned} = \frac{\begin{aligned} &\text{Tổng mức bán lẻ năm báo cáo theo giá thực tế} \\ &\text{mua từ mạng lưới thương nghiệp bán buôn} \end{aligned}}{\begin{aligned} &\text{Chỉ số giá tiêu dùng (chỉ số giá CPI) bình quân} \\ &\text{năm báo cáo so với năm gốc 2005} \end{aligned}}$$

Bước 2:

$$\begin{aligned} &\text{Giá trị sản xuất năm} \\ &\text{báo cáo theo giá so} \\ &\text{sánh năm 2005} \end{aligned} = \begin{aligned} &\text{Tổng mức} \\ &\text{bán lẻ năm} \\ &\text{báo cáo theo} \\ &\text{giá so sánh} \\ &\text{năm 2005} \end{aligned} \times \frac{\begin{aligned} &\text{Trị giá vốn hàng bán ra mua từ mạng lưới} \\ &\text{thương nghiệp bán buôn năm báo cáo} \\ &\text{theo giá thực tế} \end{aligned}}{\begin{aligned} &\text{Chỉ số giá bán sản phẩm của người sản} \\ &\text{xuất năm báo cáo so với năm gốc 2005} \end{aligned}}$$

b. Đối với phần giá trị sản xuất mua trực tiếp từ người sản xuất

Bước 1:

$$\begin{aligned} &\text{Tổng mức bán lẻ năm} \\ &\text{báo cáo theo giá so sánh} \\ &\text{năm 2005} \end{aligned} = \frac{\begin{aligned} &\text{Tổng mức bán lẻ năm báo cáo theo giá thực tế} \\ &\text{mua trực tiếp từ người sản xuất} \end{aligned}}{\begin{aligned} &\text{Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm} \\ &\text{báo cáo so với năm 2005} \end{aligned}}$$

Bước 2:

$$\begin{aligned} &\text{Giá trị sản xuất năm} \\ &\text{báo cáo theo giá so} \\ &\text{sánh năm 2005} \end{aligned} = \begin{aligned} &\text{Tổng mức bán} \\ &\text{lẻ năm báo cáo} \\ &\text{theo giá so} \\ &\text{sánh năm 2005} \end{aligned} \times \frac{\begin{aligned} &\text{Trị giá vốn hàng bán ra mua trực tiếp} \\ &\text{từ người sản xuất năm báo cáo} \\ &\text{theo giá thực tế} \end{aligned}}{\begin{aligned} &\text{Chỉ số giá bán sản phẩm của người sản} \\ &\text{xuất năm báo cáo so với năm gốc 2005} \end{aligned}}$$

Chú ý: cần giảm phát theo từng nhóm hàng hoá.

4.3 Sửa chữa ô tô, mô tô xe máy và xe có động cơ khác

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị sản xuất năm} \\ \text{báo cáo theo giá so} \\ \text{sánh năm 2005} \end{array} = \frac{\text{Giá trị sản xuất năm báo cáo theo giá thực tế}}{\text{Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm báo cáo so với} \\ \text{năm gốc 2005 của nhóm dịch vụ sửa chữa thiết bị, đồ} \\ \text{dùng gia đình; sửa chữa phương tiện đi lại}}$$

5. Vận tải, kho bãi

5.1. Vận tải hàng hoá

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị sản xuất năm báo} \\ \text{cáo theo giá so sánh năm} \\ \text{2005} \end{array} = \frac{\text{Giá trị sản xuất năm báo cáo theo giá thực tế của} \\ \text{phần vận tải hàng hoá theo ngành đường}}{\text{Chỉ số giá cước vận tải hàng hoá theo ngành} \\ \text{đường bình quân năm báo cáo so với năm gốc} \\ \text{2005}}$$

5.2. Vận tải hành khách

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị sản xuất năm báo} \\ \text{cáo theo giá so sánh năm} \\ \text{2005} \end{array} = \frac{\text{Giá trị sản xuất năm báo cáo theo giá thực tế} \\ \text{của phần vận tải hành khách}}{\text{Chỉ số giá tiêu dùng nhóm dịch vụ giao thông công} \\ \text{cộng bình quân năm báo cáo so với năm gốc 2005}}$$

6. Dịch vụ lưu trú và ăn uống

6.1 Dịch vụ lưu trú

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị sản xuất năm báo} \\ \text{cáo theo giá so sánh năm} \\ \text{2005} \end{array} = \frac{\text{Giá trị sản xuất năm báo cáo theo giá thực tế}}{\text{Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm báo cáo so với} \\ \text{năm gốc 2005 của nhóm khách sạn, nhà trọ}}$$

6.2. Ăn uống

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị sản xuất năm báo} \\ \text{cáo theo giá so sánh} \\ \text{năm 2005} \end{array} = \frac{\text{Giá trị sản xuất năm báo cáo theo giá thực tế}}{\text{Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm báo cáo so với} \\ \text{năm gốc 2005 của nhóm hàng ăn, dịch vụ ăn uống} \\ \text{và đồ uống, hút}}$$

7. Thông tin và truyền thông

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị sản xuất năm báo cáo theo giá so sánh năm 2005} \\ = \end{array} \frac{\text{Giá trị sản xuất năm báo cáo theo giá thực tế}}{\text{Chỉ số giá bán bình quân năm báo cáo so với năm gốc 2005 của nhóm viễn thông}}$$

8. Hoạt động kinh doanh bất động sản

8.1. Kinh doanh bất động sản (không kể giá trị nhà ở tự có tự ở)

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị sản xuất năm báo cáo theo giá so sánh năm 2005} \\ = \end{array} \frac{\text{Giá trị sản xuất năm báo cáo theo giá thực tế}}{\text{Chỉ số giá giá trị sản xuất ngành xây dựng bình quân năm báo cáo so với năm gốc 2005}}$$

8.2. Nhà ở tự có tự ở

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị sản xuất năm báo cáo theo giá so sánh năm 2005} \\ = \end{array} \frac{\text{Giá trị sản xuất năm báo cáo theo giá thực tế}}{\text{Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm báo cáo so với năm gốc 2005 của nhóm nhà ở thuê}}$$

9. Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị sản xuất năm báo cáo theo giá so sánh năm 2005} \\ = \end{array} \frac{\text{Giá trị sản xuất năm báo cáo theo giá thực tế}}{\text{Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm báo cáo so với năm gốc 2005 của các nhóm hoạt động}}$$

10. Giáo dục và đào tạo

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị sản xuất năm báo cáo theo giá so sánh năm 2005} \\ = \end{array} \frac{\text{Giá trị sản xuất năm báo cáo theo giá thực tế}}{\text{Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm báo cáo so với năm gốc 2005 của nhóm dịch vụ giáo dục}}$$

11. Y tế và hoạt động cứu trợ xã hội

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị sản xuất năm báo cáo theo giá so sánh năm 2005} \\ = \end{array} \frac{\text{Giá trị sản xuất năm báo cáo theo giá thực tế}}{\text{Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm báo cáo so với năm gốc 2005 của nhóm dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe và trợ giúp xã hội không tập trung}}$$

12. Nghệ thuật, vui chơi và giải trí

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị sản xuất năm báo cáo theo giá so sánh năm 2005} \\ \text{=} \end{array} \frac{\text{Giá trị sản xuất năm báo cáo theo giá thực tế}}{\text{Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm báo cáo so với năm gốc 2005 của nhóm dịch vụ sáng tác nghệ thuật và giải trí; xổ số, thể thao, vui chơi và giải trí}}$$

13. Các hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm; hoạt động của Đảng cộng sản tổ chức chính trị xã hội, quản lý Nhà nước, an ninh quốc phòng, bảo đảm xã hội bắt buộc; chuyên môn khoa học và công nghệ; làm thuê các công việc trong hộ gia đình; các tổ chức và các cơ quan quốc tế và hoạt động dịch vụ khác

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị sản xuất năm báo cáo theo giá so sánh năm 2005} \\ \text{=} \end{array} \frac{\text{Giá trị sản xuất năm báo cáo theo giá thực tế}}{\text{Chỉ số giá tiêu dùng (chỉ số giá chung - CPI) bình quân năm báo cáo so với năm gốc 2005}}$$

(Còn nữa)

